

Bản án số: 136/2020/KDTM-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng  
dịch vụ vận chuyển

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Kim Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đặng Mỹ Hạnh.

Ông Nguyễn Chí Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thuý Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3059/2020/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3705/2020/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ P.P.S.

Địa chỉ trụ sở: đường C, Phường Q, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1959 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); địa chỉ: đường N, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 26 tháng 12 năm 2019).

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần Xây dựng C.N.

Địa chỉ trụ sở: Đường N1, phường K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Châu Anh T, sinh năm 1978 (Vắng mặt); Địa chỉ: đường N3, Phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ P.P.S có ký kết với bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng C.N các hợp đồng sau: Hợp đồng vận chuyển công trình HN số 01-03/HĐVC năm 2014 tại Quận 02, Quận 12, Vinmec Tân Cảng và tỉnh Bình Dương; Hợp đồng vận chuyển công trình Bia Mỹ (ABI) số 01-03/HĐVC năm 2014 tại đường số 28, Khu công nghiệp VSIP II, tỉnh Bình Dương; Hợp đồng vận chuyển công trình C.M số 01-03/HĐVC năm 2014 tại tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện và hoàn thành xong nghĩa vụ vận chuyển dần giao các loại cho bị đơn. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, hai bên ký biên bản đối chiếu công nợ với số tiền còn nợ là 188.982.000 đồng, nhưng cho đến nay bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 188.982.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài yêu cầu khởi kiện nêu trên, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ P.P.S khởi kiện tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển với bị đơn là Công ty Cổ phần Xây dựng C.N có trụ sở tại Đường N1, phường K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không

đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 188.982.000 đồng nợ gốc:

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn nộp: Hợp đồng vận chuyển công trình HN số 01-03/HĐVC năm 2014; Hợp đồng vận chuyển công trình Bia Mỹ (ABI) số 01-03/HĐVC năm 2014; Hợp đồng vận chuyển công trình C.M số 01-03/HĐVC năm 2014; các đơn đặt hàng của bị đơn và các hóa đơn giá trị gia tăng, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng vận chuyển, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 535, Điều 536 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 74 của Luật Thương mại năm 2005.

[6] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cung ứng dịch vụ vận chuyển dân giáo các loại tại các địa bàn Quận 02, Quận 12, Vinmec Tân Cảng và tỉnh Bình Dương theo yêu cầu của bị đơn. Ngày 31 tháng 12 năm 2018, hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ xác nhận tổng số tiền cước vận chuyển phải thanh toán là 197.780.000 đồng, bị đơn đã thanh toán 8.798.000 đồng, còn nợ nguyên đơn 188.982.000 đồng.

[7] Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 188.982.000 đồng nợ gốc là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 541 của Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 1 Điều 85 của Luật Thương mại năm 2005.

[8] Theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Xét nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[9] Bị đơn vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

[10] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.449.100 đồng theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 535, Điều 536, khoản 1 Điều 541 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74, khoản 1 Điều 85 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ P.P.S.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng C.N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ P.P.S 188.982.000 đồng còn nợ theo Hợp đồng vận chuyển công trình HN số 01-03/HĐVC năm 2014; Hợp đồng vận chuyển công trình Bia Mỹ (ABI) số 01-03/HĐVC năm 2014; Hợp đồng vận chuyển công trình C.M số 01-03/HĐVC năm 2014; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ P.P.S không yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng C.N thanh toán tiền lãi.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng C.N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 9.449.100 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ P.P.S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ P.P.S 4.724.550 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0005905 ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Kim Huệ**